

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình đầu tư phát triển năm 2014, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015**

#### **Phần thứ nhất**

#### **TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2014**

##### **I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2014 được thực hiện trong bối cảnh kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, Chính phủ tiếp tục cắt giảm đầu tư công, doanh nghiệp khó tiếp cận vốn, thị trường bất động sản chưa phục hồi, đã tác động bất lợi đến việc huy động vốn đầu tư phát triển và hoạt động đầu tư xây dựng. Song, với sự quan tâm, hỗ trợ về nguồn lực của Trung ương; sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành quyết liệt, sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; sự chủ động, trách nhiệm cao của các cấp, các ngành; sự nỗ lực cố gắng của chủ đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp xây dựng và nhân dân trong tỉnh, nên tình hình đầu tư phát triển của tỉnh năm 2014 có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả quan trọng. Kết quả cụ thể như sau:

##### **1. Công tác vận động, xúc tiến đầu tư và hoạt động đối ngoại tiếp tục được quan tâm thực hiện và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng**

Công tác vận động xúc tiến đầu tư và hoạt động đối ngoại tiếp tục được chú trọng. UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã làm việc với các Bộ, ngành Trung ương, Đại sứ quán của các nước tại Việt Nam như: Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đan Mạch; các tổ chức xúc tiến đầu tư, thương mại, tài chính trong và ngoài nước như: KCCI, JETRO, WB, ADB, KEXIMBANK, JICA; Tập đoàn hóa chất CIECH (Ba Lan), Tập đoàn HUYNDAI (Hàn Quốc), Tập đoàn FLC... để cung cấp thông tin về tiềm năng, cơ chế, chính sách, danh mục dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh, qua đó đã thu hút được nhiều nhà đầu tư quan tâm đầu tư vào địa bàn tỉnh. Quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ được củng cố và mở rộng; tỉnh đã thường xuyên giữ mối quan hệ, trao đổi, làm việc với Đại sứ một số nước tại Việt Nam và tổ chức tài chính lớn như: WB, ADB, JICA, Ngân hàng XNK Hàn Quốc... để tranh thủ vận động, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án

ODA và vận động đầu tư các dự án: Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện Đa khoa tỉnh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong KKT Nghi Sơn; Giảm nghèo khu vực miền núi và hỗ trợ phát triển chính sách tỉnh Thanh Hóa; Hệ thống xử lý nước thải KKT Nghi Sơn. Trong năm, dự án Phát triển nông nghiệp có tuổi đã được ký hiệp định tài trợ, với tổng mức đầu tư 730 tỷ đồng.

Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh được cải thiện đáng kể, được các tổ chức tài chính, nhà đầu tư đánh giá cao; bên cạnh đó, tỉnh đã chỉ đạo giải quyết tốt những khó khăn, vướng mắc về thủ tục hành chính, giao đất, cho thuê đất, bồi thường GPMB; rà soát, bổ sung và ban hành mới một số cơ chế, chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thu hút đầu tư. Trong năm, đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 152 dự án (10 dự án FDI) với tổng vốn đầu tư đăng ký 27.058 tỷ đồng và trên 100 triệu USD, so với cùng kỳ gấp 2,53 lần về số dự án và tăng 32,6% về vốn đầu tư đăng ký; điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư cho 7 dự án FDI với tổng vốn đầu tư tăng thêm 107,6 triệu USD. Nhiều dự án quy mô lớn được cấp giấy chứng nhận đầu tư như: sân golf và khu nghỉ dưỡng quốc tế tại Sầm Sơn; trang trại bò sữa Thanh Hóa 2; xây dựng hạ tầng KCN 1 - KKT Nghi Sơn; liên hợp sản xuất thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi lợn và chế biến nông sản... Thành lập mới 1.082 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 5.077 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 2,5% về số doanh nghiệp và 3,2% về vốn đăng ký.

## **2. Huy động vốn đầu tư phát triển, vượt mục tiêu kế hoạch và tăng cao so với cùng kỳ, đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế**

Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 85.530 tỷ đồng, tăng 62% so với cùng kỳ, bằng 122% kế hoạch, trong đó:

- Vốn NSNN, TPCP, ODA: 10.550 tỷ đồng (chiếm 12% tổng nguồn), tăng 4% so với cùng kỳ, bằng 113% kế hoạch.

- Vốn tín dụng đầu tư: 8.710 tỷ đồng (chiếm 10%), tăng 4% so với cùng kỳ, bằng 108% kế hoạch.

- Vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước: 1.210 tỷ đồng (chiếm 1%), tăng 3% so với cùng kỳ, bằng 115% kế hoạch.

- Vốn đầu tư nước ngoài: 37.220 tỷ đồng (chiếm 44%), gấp 4,1 lần so với cùng kỳ, bằng 135% kế hoạch.

- Vốn đầu tư của dân cư và các thành phần kinh tế khác: 27.840 tỷ đồng (chiếm 33%), tăng 17% so với cùng kỳ, bằng 116% kế hoạch.

Trong năm, đã hoàn thành đưa vào hoạt động Khách sạn Mường Thanh, tổ

máy số 2 Nhiệt điện Nghi Sơn 1, NM tinh bột sắn Ngọc Lặc, ferocrom Thanh Hóa; một số cơ sở mở rộng quy mô sản xuất như: giày HongFu, may Việt Nhật, gỗ Minh Quang, gạch Vicenza... Khởi công xây dựng một số dự án lớn như: sân golf và khu nghỉ dưỡng quốc tế tại Sầm Sơn, đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn, đường vành đai phía Tây TP. Thanh Hóa, tòa nhà hỗn hợp FLC Complex Thanh Hóa, cầu Thắm, cầu Bút Sơn và cơ bản hoàn thành cầu Nguyệt Viên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối giao thông, phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư.

Kết quả đầu tư năm 2014 đã góp phần làm tăng thêm năng lực sản xuất cho các ngành, các lĩnh vực; cải thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và góp phần vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh (giá trị gia tăng của hoạt động đầu tư phát triển chiếm khoảng 16% GDP theo giá so sánh và đóng góp 2,6% vào tốc độ tăng trưởng kinh tế).

### **3. Kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn vốn NSNN, TPCP do địa phương quản lý được chỉ đạo cụ thể, quyết liệt nên đã có những chuyển biến tích cực so với cùng kỳ**

Công tác xây dựng, giao kế hoạch đầu tư phát triển được thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, đảm bảo mục tiêu đầu tư Trung ương giao và Nghị quyết của HĐND tỉnh. Kế hoạch vốn được bố trí tập trung cho các dự án hoàn thành và các dự án chuyển tiếp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Trong tổng nguồn vốn năm 2014, bố trí cho các dự án hoàn thành 533 tỷ đồng, chiếm 12% (năm 2013 là 30%); bố trí cho các dự án chuyển tiếp 3.254 tỷ đồng, chiếm 74% (năm 2013 là 65%); bố trí cho một số dự án khởi công mới 596 tỷ đồng, chiếm 14% (năm 2013 là 5%).

Việc thực hiện kế hoạch được các cấp, các ngành triển khai nghiêm túc, kịp thời; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc; kịp thời xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nên tiến độ thực hiện và giải ngân đạt khá so với kế hoạch; giá trị khối lượng thực hiện các dự án phù hợp mức vốn được giao, hạn chế nợ xây dựng cơ bản. Ước giá trị khối lượng thực hiện đến 31/12 đạt 4.205 tỷ đồng, bằng 96% kế hoạch (năm 2013 đạt 95%); giải ngân đến 31/01/2015 ước đạt 97% kế hoạch, số vốn không giải ngân hết thuộc nguồn vốn TPCP bổ sung trong năm và vốn ứng trước ngân sách Trung ương năm 2015 (được phép giải ngân đến 31/3 và 30/6/2015).

Kết quả đầu tư từ nguồn vốn NSNN, TPCP năm 2014 đã hoàn thành đưa vào sử dụng 85 công trình (chưa tính các công trình thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững); nâng cấp, cải tạo 23 km

đường tỉnh, 505 km đường nông thôn; 30 km đê sông; tăng năng lực tưới cho hơn 3.750 ha; 83 công trình nước sạch; tăng thêm 50 giường bệnh..., góp phần quan trọng trong việc cải thiện kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

*(Chi tiết tiến độ thực hiện, giải ngân có phụ lục kèm theo).*

#### **4. Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng tiếp tục được tăng cường; việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư đảm bảo quy định theo Chỉ thị số 1792/CT-TTg, 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

Công tác chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực đầu tư xây dựng được UBND, Chủ tịch UBND tỉnh và các ngành đặc biệt quan tâm, thực hiện nghiêm các quy định của nhà nước về đầu tư xây dựng, nhất là Chỉ thị số 1792/CT-TTg, Chỉ thị số 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn vốn NSNN, TPCP. Thường xuyên kiểm tra tình hình thực tế, đôn đốc chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện và kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện dự án, như: công tác đấu thầu, quản lý vốn tạm ứng, bồi thường GPMB, quản lý chất lượng công trình..., nên lĩnh vực đầu tư xây dựng đã có chuyển biến tích cực.

Công tác chuẩn bị đầu tư có nhiều chuyển biến, việc quyết định chủ trương đầu tư được thực hiện nhất quán theo Quyết định số 2237/QĐ-UBND của UBND tỉnh; việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án được thực hiện theo quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg; các dự án khởi công mới sử dụng vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu đều được Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định nguồn vốn trước khi phê duyệt dự án, nên đã từng bước hạn chế đầu tư dàn trải, nợ xây dựng cơ bản. Công tác lập, thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán được kiểm soát chặt chẽ hơn, chất lượng từng bước được nâng lên.

Công tác GPMB được tập trung chỉ đạo quyết liệt, tạo chuyển biến rõ nét ở một số dự án lớn, trọng điểm như: QL1A, 47, 217, phát triển toàn diện kinh tế - xã hội TP. Thanh Hóa, một số dự án trong KKT Nghi Sơn và trên địa bàn TP. Thanh Hóa, Tĩnh Gia, Hoằng Hóa, Sầm Sơn... Việc quản lý, sử dụng vốn được các chủ đầu tư chú trọng, ưu tiên vốn để thực hiện công tác GPMB; quản lý chặt chẽ vốn tạm ứng; lũy kế số dư tạm ứng đến 25/11 còn 945 tỷ đồng, giảm 25% so với đầu năm. Việc đấu mới với các bộ, ngành Trung ương để tranh thủ các nguồn vốn bổ sung trong năm đạt kết quả tích cực; năm 2014, tỉnh đã được bổ sung 660 tỷ đồng (chiếm 15% tổng nguồn) từ vốn ngân sách Trung ương.

Công tác quản lý chất lượng công trình có chuyển biến tích cực; các ngành chức năng đã tăng cường thanh tra, kiểm tra chất lượng các dự án; qua đó, đã

phát hiện nhiều vi phạm, sai sót của chủ đầu tư, nhà thầu và đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định. Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư tiếp tục được thực hiện, rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định; sự phối hợp giữa các ngành với các huyện, thị xã, thành phố trong giải quyết thủ tục đầu tư đã có nhiều chuyển biến tích cực và thực hiện có hiệu quả hơn.

## II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM

Bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, tình hình đầu tư phát triển năm 2014 vẫn còn một số hạn chế, yếu kém là:

1. Hầu hết dự án đầu tư trực tiếp trong nước đều có tiến độ thực hiện chậm so với thời gian ghi trong giấy chứng nhận đầu tư, trong đó một số dự án phát triển đô thị, thương mại, du lịch có tiến độ thực hiện rất chậm, kéo dài như: khu du lịch sinh thái cao cấp Cửa Trường Lệ, Tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng biển Hải Hòa, Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng biển Tiến Thanh, Khu du lịch sinh thái đảo Nghi Sơn, Khu du lịch thể thao sinh thái Tiên Trang, Tổ hợp thương mại MeLinh Plaza...

2. Công tác bồi thường GPMB để thực hiện các dự án tuy đã có chuyển biến, nhưng nhìn chung còn chậm và chưa đáp ứng được yêu cầu, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện chung của tỉnh; một số dự án có tiến độ giải phóng mặt bằng rất chậm, kéo dài, nhưng chưa có chuyển biến như: một số dự án giao thông trong KKT Nghi Sơn, đường Dương Đình Nghệ, Đại lộ Nam Sông Mã, đường Hội Xuân - Tén Tản...

3. Việc thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh về các biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện, thanh toán vốn đầu tư ở một số ngành, địa phương, chủ đầu tư chưa nghiêm; một số nguồn vốn, chương trình, dự án giải ngân chậm, ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân chung của tỉnh như: vốn vay kho bạc, vốn TPCP lĩnh vực y tế (đến 25/11 mới giải ngân 65% kế hoạch), đối ứng ODA (59%), Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (58%), Chương trình MTQG ứng phó với biến đổi khí hậu (68%), chương trình 135 (70%), nguồn vốn quản lý và bảo vệ biên giới, đất liền (69%), hỗ trợ các trung tâm giáo dục, lao động xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, rối nhiễu tâm trí (64%)... Một số dự án có số dư tạm ứng vốn lớn, kéo dài nhưng đến nay vẫn chưa hoàn ứng theo quy định.

4. Công tác quản lý chất lượng công trình ở một số chủ đầu tư còn hạn chế; qua kiểm tra, nhiều công trình chưa được thực hiện đúng quy trình kỹ thuật khi thi công như: công tác hoàn thiện, ốp lát, lắp đặt hệ thống điện (công trình dân dụng); thi công độ dốc dọc, dốc ngang, dốc mái taluy, thành phần cấp phối đá dăm... (công trình giao thông); xây mương, rãnh (công trình thủy lợi). Chất

lượng công tác tư vấn giám sát chưa được quan tâm đúng mức; còn nhiều đơn vị tư vấn giám sát có năng lực hạn chế, chưa thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

5. Công tác quản lý, khai thác công trình sau đầu tư còn có những hạn chế, bất cập; đội ngũ làm công tác duy tu, bảo dưỡng còn thiếu; cơ chế huy động sự tham gia của cộng đồng trong việc quản lý, khai thác vận hành các công trình còn nhiều bất cập, nhất là công trình thuộc chương trình 135, chương trình MTQG nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn..., nên nhiều công trình mới đưa vào sử dụng đã xuống cấp, làm giảm hiệu quả đầu tư.

6. Việc tổ chức đấu thầu ở một số dự án chưa đảm bảo các quy định của pháp luật, còn xảy ra sai phạm. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án có sử dụng đất gặp khó khăn do thị trường bất động sản trầm lắng, rất ít nhà đầu tư quan tâm (hiện có 35/52 dự án chưa lựa chọn được nhà đầu tư, trong đó có 16 dự án đang đề xuất không tiếp tục thực hiện); nhiều nhà đầu tư trúng thầu dự án có sử dụng đất chưa thực hiện đầy đủ các nội dung theo hợp đồng kinh tế, nhất là việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước; đến thời điểm này, có 16 dự án phải nộp NSNN một phần tiền sử dụng đất với số tiền là 672,5 tỷ đồng, nhưng các nhà đầu tư mới nộp 48 tỷ đồng, bằng 7,1% số tiền phải nộp.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do năng lực của một số chủ đầu tư, bên mời thầu, cơ quan đầu mối thực hiện dự án còn hạn chế, chưa sâu sát, cụ thể, thiếu quyết liệt, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện chưa cao, chưa tuân thủ nghiêm các quy định về quản lý đầu tư xây dựng; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và chủ đầu tư có lúc, có việc còn chưa chặt chẽ. Một số nhà thầu thiếu tinh thần trách nhiệm, không tập trung đầy đủ máy móc, thiết bị để thi công công trình theo hợp đồng. Các chủ đầu tư chưa kiên quyết xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các đơn vị tư vấn, nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu hoặc vi phạm các quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng.

## **Phần thứ hai** **KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2015**

### **I. HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN**

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, khả năng thu hút các nguồn vốn đầu tư và tiến độ thực hiện của các dự án trên địa bàn tỉnh, tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2015 dự kiến khoảng 108.000 tỷ đồng, tăng 26,3% so với ước thực hiện năm 2014, trong đó:

- Vốn NSNN (bao gồm cả vốn ODA), TPCP 13.500 tỷ đồng (chiếm 11% tổng nguồn), tăng 11% so với năm 2014.
- Vốn tín dụng đầu tư 10.150 tỷ đồng (chiếm 9%), tăng 17%.
- Vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước 1.250 tỷ đồng (chiếm 1%), tăng 3%
- Vốn đầu tư nước ngoài 54.200 tỷ đồng (chiếm 52%), gấp 1,5 lần.
- Vốn đầu tư của dân cư và các thành phần kinh tế khác 28.900 tỷ đồng (chiếm 27%), tăng 4%.

## **II. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN NSNN, TPCP VÀ VỐN ODA DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**

### **1. Về nguồn vốn**

Theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các văn bản số 7642/BKHĐT-TH ngày 23/10/2014, 8633/BKHĐT-TH ngày 14/11/2014, tổng nguồn vốn NSNN, vốn ODA năm 2015 do tỉnh quản lý là 3.713,784 tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2014 (riêng vốn TPCP thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới chưa được Trung ương thông báo), trong đó:

- Vốn đầu tư trong cân đối: 501 tỷ đồng (chưa tính vốn thu từ nguồn sử dụng đất 1.000 tỷ đồng), bằng kế hoạch năm 2014.
- Vốn các Chương trình MTQG: 431,8 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2014.
- Vốn các chương trình bổ sung có mục tiêu từ NSTW: 1.230 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2014.
- Vốn ODA: 280,66 tỷ đồng, gấp 2,1 lần năm 2014 (trong đó có 153,66 tỷ đồng được đưa vào cân đối ngân sách Nhà nước để đầu tư).
- Vốn trái phiếu Chính phủ 1.270,324 tỷ đồng (trong đó hoàn trả số vốn đã ứng trước kế hoạch là 533,387 tỷ đồng).

### **2. Nguyên tắc bố trí vốn trong kế hoạch năm 2015**

- Thực hiện theo đúng nguyên tắc, hướng dẫn tại văn bản số 7642/BKHĐT-TH ngày 23/10/2014 và văn bản số 8633/BKHĐT-TH ngày 14/11/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Các dự án được bố trí trong kế hoạch phải đảm bảo hồ sơ, thủ tục theo quy định; dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp phải có trong kế hoạch hàng năm của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; dự án khởi công mới phải có quyết định phê duyệt trước ngày 31/10/2014, trong đó các dự án thuộc các

chương trình bổ sung có mục tiêu từ NSTW phải có ý kiến thẩm định vốn và nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định; mức bố trí vốn nói chung đảm bảo dự án nhóm B hoàn thành trong 5 năm, dự án nhóm C hoàn thành trong 3 năm và hoàn thành dứt điểm theo từng hạng mục công trình để đưa vào khai thác, sử dụng.

- Mức vốn bố trí cho các loại dự án cụ thể như sau:

+ Mức vốn bố trí cho các dự án không vượt quá mức hỗ trợ của Trung ương.

+ Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt: thanh toán 100% phần vốn NSTW, ngân sách tỉnh đầu tư theo quyết toán được duyệt (trừ một số dự án có phần vốn Trung ương hỗ trợ thấp hơn số tiền được quyết toán).

+ Dự án hoàn thành nhưng chưa có quyết toán được duyệt và dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2015: bố trí đủ 70% nhu cầu vốn đối với các dự án đầu tư từ nguồn cân đối ngân sách tỉnh và bố trí đủ 80% nhu cầu vốn đối với các dự án sử dụng vốn NSTW (Chương trình MTQG, chương trình Trung ương bổ sung có mục tiêu); phần còn lại sẽ thanh toán sau khi có quyết toán được duyệt.

+ Dự án chuyển tiếp nhưng hoàn thành sau năm 2015: bố trí theo tiến độ thực hiện và tình hình thực tế.

+ Số vốn còn lại bố trí để khởi công mới và chuẩn bị đầu tư một số dự án thực sự cấp bách của những chương trình còn vốn sau khi đã bố trí đảm bảo theo nguyên tắc trên.

### **3. Kế hoạch năm 2015 của các nguồn vốn**

#### ***3.1. Vốn đầu tư trong cân đối và vốn các CT MTQG (932,8 tỷ đồng)***

##### ***a. Vốn đầu tư trong cân đối (501 tỷ đồng)***

- Bố trí cho các dự án hoàn thành: 227,9 tỷ đồng (chiếm 45,4%).

- Bố trí cho các dự án chuyển tiếp: 223,1 tỷ đồng (chiếm 44,6%).

- Bố trí cho các dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư: 50 tỷ đồng (chiếm 10%).

##### ***b. Vốn các chương trình MTQG (431,8 tỷ đồng)***

- Bố trí cho các dự án hoàn thành: 179,1 tỷ đồng (chiếm 41,4%);

- Bố trí cho các dự án chuyển tiếp: 238 tỷ đồng (chiếm 55,1%);

- Bố trí khởi công mới 3 dự án: 14,7 tỷ đồng (chiếm 3,5%).



### **3.2. Vốn các chương trình bổ sung có mục tiêu từ NSTW, vốn TPCP và ODA (2.780,984 tỷ đồng)**

Theo quy định, danh mục các chương trình, dự án bổ sung có mục tiêu từ NSTW, vốn ODA và vốn TPCP (trừ vốn TPCP bố trí cho các dự án thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới) phải báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định và giao kế hoạch lên UBND tỉnh đã báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét, trước khi có văn bản báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có quyết định giao kế hoạch, UBND tỉnh xem xét, giao kế hoạch chi tiết theo đúng danh mục, mức vốn trong các quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để triển khai thực hiện.

### **III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2015**

Để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015, các cấp, các ngành và các chủ đầu tư cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

#### **1. Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo sức hấp dẫn mới để xúc tiến đầu tư, huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho đầu tư phát triển**

Các cấp, các ngành và các đơn vị có liên quan tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02/NQ-TU của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và Chương trình hành động cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đến năm 2015. Tiến hành rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng, cấp huyện, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu cho phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, định hướng 2030 và Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách đã ban hành theo hướng thực sự thông thoáng, hấp dẫn; hoàn chỉnh các quy định liên quan đến lĩnh vực đất đai, khoáng sản, đầu tư xây dựng, doanh nghiệp, thuế... theo hướng tạo thuận lợi nhất cho nhà đầu tư.

Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án kêu gọi đầu tư đến năm 2020 cho phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và định hướng của nhà đầu tư, nhà tài trợ. Xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư năm 2015 với các chương trình xúc tiến quy mô lớn; chú trọng xúc tiến đầu tư vào KKT

Nghi Sơn, nhất là các dự án phụ trợ sau lọc hóa dầu, cảng biển, dịch vụ. Tăng cường quảng bá, giới thiệu về những thành tích nổi bật trong thời gian qua về thu hút đầu tư và sự cải thiện các chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh và tranh thủ sức lan tỏa sau khi khởi công các dự án lớn để đẩy mạnh xúc tiến đầu tư theo hướng đổi mới nội dung, đi vào thực chất và phải cụ thể, chi tiết đến từng dự án, từng nhà đầu tư; tăng cường xúc tiến đầu tư tại chỗ đối với các doanh nghiệp đang đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu để tổ chức một số cuộc xúc tiến đầu tư lớn tại nước ngoài và một số thành phố lớn trong nước như: Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ. Các sở, ban, ngành chủ động hướng dẫn thủ tục (từ khâu xin chủ trương, đăng ký doanh nghiệp, giao đất, cho thuê đất...), tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư trong quá trình thực hiện.

Củng cố và nâng tầm quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính lớn như WB, ADB, JICA, Ngân hàng XNK Hàn Quốc... và các tổ chức phi chính phủ để tranh thủ sự hỗ trợ, tư vấn và kêu gọi nguồn vốn ODA đầu tư các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội. Tiếp tục đấu mối, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của nhà tài trợ để ký hiệp định tài trợ vốn cho các dự án: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Phụ sản, Giảm nghèo khu vực miền núi và hỗ trợ phát triển chính sách tỉnh Thanh Hóa.

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng theo hình thức BT, BOT..., đặc biệt là đầu tư theo hình thức PPP. Tích cực đấu mối với các Bộ, ngành Trung ương để tranh thủ tối đa nguồn vốn NSNN, TPCP, vốn tín dụng đầu tư phát triển, vốn vay kho bạc trong năm 2015 và giai đoạn 2016 - 2020 để đầu tư kết cấu hạ tầng. Rà soát lại biên bản thỏa thuận hợp tác đã ký kết với các nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư nước ngoài để khẩn trương thực hiện các cam kết của tỉnh, trong đó tập trung thực hiện tốt các cam kết về bồi thường GPMB, cấp điện, cấp nước, đảm bảo an ninh trật tự, các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư..., tạo thuận lợi nhất để nhà đầu tư triển khai thực hiện các dự án đã cam kết.

## **2. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sử dụng vốn NSNN, TPCP, phân đấu giải ngân hết kế hoạch vốn năm 2015 trước 31/10/2015**

Triển khai giao kế hoạch chi tiết ngay sau khi có quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh để các cấp, các ngành, các chủ đầu tư thực hiện ngay từ đầu năm. Đối với các nguồn vốn thuộc chương trình 135, 257, UBND tỉnh chỉ giao kế hoạch đến cấp huyện; yêu cầu UBND các huyện khẩn trương giao kế hoạch chi tiết cho các dự án trước ngày 31/01/2015 để triển khai thực hiện. Kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch trong quá trình

thực hiện, đảm bảo giải ngân hết kế hoạch vốn.

Thường xuyên tổ chức giao ban giữa các ngành chức năng với các chủ đầu tư và nhà thầu để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án. Các chủ đầu tư tập trung chỉ đạo, đôn đốc và yêu cầu nhà thầu tập trung vật tư, phương tiện, nguồn vốn, nhân lực theo đúng cam kết trong hồ sơ dự thầu và hợp đồng kinh tế để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án; các cấp, các ngành không đề xuất gia hạn thời gian thi công các công trình có tiến độ thực hiện chậm mà lỗi không phải do chủ đầu tư hoặc yếu tố khách quan và xử lý nghiêm các nhà thầu vi phạm theo thẩm quyền; khẩn trương hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu đối với các dự án, hạng mục công trình khởi công mới, chậm nhất trong tháng 4/2015 phải khởi công xây dựng. Giám sát chặt chẽ việc quản lý, sử dụng vốn của các chủ đầu tư theo quyết định giao kế hoạch của cấp có thẩm quyền; tập trung bố trí vốn để hoàn thành dứt điểm từng công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư; chỉ cho nhà thầu tạm ứng vốn đúng quy định, đồng thời quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn ứng và hoàn ứng của các nhà thầu.

Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 theo quy định của Luật Đầu tư công và đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối vốn. Tích cực đấu thầu chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tranh thủ tối đa các nguồn vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

### **3. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác bồi thường GPMB, tạo chuyển biến thực sự rõ nét nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án**

Các cấp, các ngành theo chức năng nhiệm vụ của mình, phối hợp với chủ đầu tư, nhà thầu tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề còn vướng mắc trong công tác GPMB, đảm bảo bàn giao mặt bằng sạch cho các dự án đúng tiến độ, đặc biệt là các dự án có tiến độ bàn giao mặt bằng rất chậm, kéo dài; tăng cường công tác tuyên truyền vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành quyết định của cơ quan nhà nước về việc thu hồi đất để thực hiện dự án; kiên quyết thực hiện cưỡng chế đối với các đối tượng cố tình chây ì, chống đối mà không có lý do chính đáng; xử lý nghiêm những cán bộ vi phạm trong quá trình kiểm kê, bồi thường GPMB.

Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các khu tái định cư, nhất là các khu tái định cư phục vụ công tác GPMB để thực hiện các dự án trong KKT Nghi Sơn, TP. Thanh Hóa. Việc đầu tư xây dựng các khu tái định cư phải được thực hiện đồng thời với việc xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, đảm bảo sau khi phê duyệt phương án sẽ có điều kiện di dân ngay để GPMB.

Chỉ được khởi công xây dựng mới các công trình, dự án khi có đủ điều kiện về mặt bằng, trong đó: phải giải phóng toàn bộ mặt bằng mới được khởi công xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, trạm bơm; phải giải phóng đạt tối thiểu 50% mặt bằng liên tuyến mới được khởi công xây dựng các công trình như giao thông, đê điều.

#### **4. Tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng; đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm đưa vào sử dụng một số dự án trọng điểm, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới**

Các cấp, các ngành tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, trọng tâm là triển khai thực hiện tốt Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg, Chỉ thị số 14/CT-TTg và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị số 07/CT-UBND, văn bản số 2782/UBND-THKH và thông báo số 104/TB-UBND. Tiến hành rà soát các quy định về phân cấp, ủy quyền trong quản lý đầu tư xây dựng để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và các quy định mới ban hành.

Kiểm soát chặt chẽ việc quyết định chủ trương đầu tư, lập, thẩm định các dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN, TPCP theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng; tăng cường kiểm tra, giám sát công tác đấu thầu các dự án, đảm bảo việc tổ chức đấu thầu tuân thủ theo đúng quy định của Luật Đấu thầu. Quan tâm đặc biệt đến công tác quản lý chất lượng công trình; kiên quyết xử lý nghiêm các chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn giám sát, nhà thầu thi công không thực hiện nghiêm quy trình thi công, nghiệm thu công trình, ảnh hưởng đến chất lượng các công trình xây dựng. Đôn đốc chủ đầu tư, nhà thầu thực hiện nghiêm các quy định về quyết toán các công trình hoàn thành.

Lựa chọn một số công trình hạ tầng quan trọng, quy mô lớn, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, như: QL 217, Đại lộ Nam sông Mã, đường từ ngã ba Voi đi Sầm Sơn, đường Hồi Xuân - Tén Tàn, hạ tầng Cảng hàng không Thọ Xuân, đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn, các tuyến đường trục chính và các cảng biển trong KKT Nghi Sơn (cảng NM lọc hóa dầu Nghi Sơn, xi măng Công thành, nhiệt điện Nghi Sơn, thép Nghi Sơn và các bến tổng hợp); cầu Yên Hoành, cầu Cẩm Lương, cầu Bút Sơn, cầu Thắm. Tạo thuận lợi để khởi công dự án đường cao tốc Ninh Bình - Thanh Hóa.

**5. Tăng cường hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động đầu tư; phát huy vai trò giám sát cộng đồng; thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động đầu tư**

Các ngành chức năng theo chức năng nhiệm vụ được giao, thường xuyên cập nhật các quy định mới của Nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng để hướng dẫn thực hiện; kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh cụ thể hóa các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, nhất là các quy định mới về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án đầu tư công; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án; theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án; quản lý dự án, giám sát đánh giá đầu tư, công tác đấu thầu theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu.

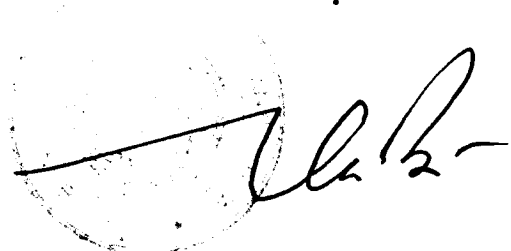
Các cấp, các ngành, chủ đầu tư cần quan tâm đúng mức đến công tác giám sát, đánh giá đầu tư trên địa bàn nhằm nâng cao chất lượng công trình xây dựng; tăng cường công tác giám sát cộng đồng, phát huy vai trò của người sử dụng. Tăng cường thanh tra, kiểm tra các công trình, dự án, tập trung vào các công trình, dự án mới đưa vào sử dụng nhưng đã có dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng; trên cơ sở kết quả thanh tra, kiểm tra và kiểm toán, các cấp, các ngành có thẩm quyền kiên quyết xử lý những vi phạm trong hoạt động đầu tư và xây dựng.

Trên cơ sở các giải pháp chủ yếu trên đây, các cấp, các ngành, các chủ đầu tư xác định những giải pháp cụ thể của đơn vị mình đối với từng chương trình, dự án để có biện pháp chỉ đạo phù hợp, đảm bảo hoàn thành kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đình Xứng**

**Phụ lục**

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐTPPT TỪ NGUỒN VỐN NSNN, TPCP NĂM 2014**  
(Kèm theo Báo cáo số: **144** /BC-UBND ngày **12** tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: triệu đồng

| Số TT      | Nguồn vốn   | Kế hoạch năm 2014 | Khối lượng thực hiện từ 1/1/2014-31/12/2014 | Giá trị giải ngân   |           |                    |           | Ghi chú  |
|------------|---|-------------------|---|---------------------|-----------|--------------------|-----------|--|
|            |   |                   |   | Đến ngày 25/11/2014 |           | Ước đến 01/01/2015 |           |  |
|            |   |                   |   | Vốn                 | Tỷ lệ (%) | Vốn                | Tỷ lệ (%) |  |
| 1          | 2   | 3                 | 4   | 5                   | 6=5/3     | 7                  | 8=7/3     | 9  |
|            | <b>TỔNG SỐ</b>  | 4.384.846         | 4.205.000                                   | 3.474.267           | 80        | 4.242.065          | 97        | Nếu không tính số vốn ứng trước kế hoạch năm 2015 thì tỷ lệ giải ngân đến 25/11 đạt 85%. |
| <b>I</b>   | <b>VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI</b>   | 501.000           | 485.000                                     | 465.982             | 93        | 501.000            | 100       |  |
| <b>II</b>  | <b>VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG</b>  | 393.240           | 360.000                                     | 326.620             | 83        | 393.240            | 100       |  |
| <b>III</b> | <b>VỐN CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>   | 1.078.300         | 1.211.400                                   | 966.577             | 90        | 1.078.300          | 100       |  |
| 1          | Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng.  | 172.400           | 150.000                                     | 146.540             | 85        | 172.400            | 100       |  |
| 2          | Chương trình giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản.   | 16.000            | 30.000                                      | 15.231              | 95        | 16.000             | 100       |  |
| 3          | Chương trình phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản.  | 14.000            | 20.000                                      | 13.872              | 99        | 14.000             | 100       |  |
| 4          | Chương trình củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển và hệ thống đê sông.  | 82.000            | 138.000                                     | 103.353             | 126       | 82.000             | 100       |  |
| 5          | Khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền.   | 20.000            | 20.000                                      | 20.000              | 100       | 20.000             | 100       |  |
| 6          | Nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và xây dựng hệ thống thủy lợi trên các đảo có đông dân cư.                           | 4.000             | 7.000                                       | 3.983               | 100       | 4.000              | 100       |  |
| 7          | Chương trình bố trí sắp xếp dân cư nơi cần thiết.   | 8.000             | 11.000                                      | 8.000               | 100       | 8.000              | 100       |  |
| 8          | Hỗ trợ đầu tư khu kinh tế ven biển.   | 385.000           | 370.000                                     | 322.926             | 84        | 385.000            | 100       |  |
| 9          | Hạ tầng cụm công nghiệp.  | 4.000             | 4.000                                       | 4.000               | 100       | 4.000              | 100       |  |
| 10         | Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt Nam - Lào.  | 8.000             | 8.000                                       | 8.000               | 100       | 8.000              | 100       |  |
| 11         | Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. | 10.000            | 6.000                                       | 9.500               | 95        | 10.000             | 100       |  |

| 1         | 2  | 3                | 4                | 5              | 6=5/3     | 7                | 8=7/3     | 9                                       |
|-----------|--|------------------|------------------|----------------|-----------|------------------|-----------|---|
| 12        | Đầu tư theo Quyết định 229/1999/QĐ-TTg.  | 17.000           | 16.000           | 14.339         | 84        | 17.000           | 100       |   |
| 13        | Chương trình quản lý, bảo vệ biên giới đất liền.   | 21.000           | 1.800            | 14.450         | 69        | 21.000           | 100       |   |
| 14        | Chương trình khắc phục hậu quả bom mìn theo Quyết định số 504/QĐ-TTg ngày 21/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ. | 2.500            | 1.500            | 1.870          | 75        | 2.500            | 100       |   |
| 15        | Hỗ trợ các trung tâm giáo dục, lao động xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, rối nhiễu tâm trí.  | 26.500           | 25.000           | 16.979         | 64        | 26.500           | 100       |   |
| 16        | Hỗ trợ đầu tư các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện.   | 10.000           | 8.000            | 10.000         | 100       | 10.000           | 100       |   |
| 17        | Hỗ trợ hạ tầng du lịch.  | 20.000           | 43.000           | 17.400         | 87        | 20.000           | 100       |   |
| 18        | Phát triển rừng và bảo vệ rừng bền vững.   | 75.000           | 75.000           | 61.480         | 82        | 75.000           | 100       |   |
| 19        | Các công trình văn hóa tại địa phương có ý kiến của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước.                               | 10.000           | 5.000            | 8.354          | 84        | 10.000           | 100       |   |
| 20        | Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Mông, huyện Mường Lát.                                     | 24.900           | 22.100           | 24.900         | 100       | 24.900           | 100       |   |
| 21        | Các dự án cấp bách khác của địa phương.  | 148.000          | 250.000          | 141.400        | 96        | 148.000          | 100       |   |
| <b>IV</b> | <b>VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ</b>  | <b>1.149.677</b> | <b>1.090.000</b> | <b>807.661</b> | <b>70</b> | <b>1.036.405</b> | <b>90</b> | Gồm 301 tỷ đồng vốn mới bổ sung T7/2014 |
| 1         | Lĩnh vực giao thông.   | 380.022          | 360.000          | 301.807        | 79        | 350.000          | 92        |   |
| 2         | Lĩnh vực thủy lợi.   | 216.411          | 205.000          | 173.491        | 80        | 216.411          | 100       |   |
| 3         | Lĩnh vực y tế.   | 150.244          | 120.000          | 98.155         | 65        | 145.244          | 97        |   |
| 4         | Vốn đối ứng ODA.   | 90.000           | 90.000           | 52.708         | 59        | 90.000           | 100       |   |
| 5         | Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới.   | 313.000          | 315.000          | 181.500        | 58        | 234.750          | 75        |   |
| <b>V</b>  | <b>CÁC NGUỒN VỐN KHÁC</b>  | <b>1.262.629</b> | <b>1.058.600</b> | <b>907.427</b> | <b>72</b> | <b>1.233.120</b> | <b>98</b> |   |
| 1         | Vốn ứng trước ngân sách Trung ương.  | 319.009          | 280.000          | 132.631        | 42        | 300.000          | 94        | Ứng KH năm 2015 là 225 tỷ đồng.         |
| 2         | Vốn vay tín dụng.  | 152.000          | 130.000          | 134.433        | 88        | 144.000          | 95        |   |
| 3         | Vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2013.  | 433.083          | 345.000          | 387.588        | 89        | 433.083          | 100       |   |
| 4         | Vốn sự nghiệp dành cho đầu tư.   | 224.037          | 198.000          | 190.975        | 85        | 224.037          | 100       |   |
| 5         | Vốn vay kho bạc.   | 134.500          | 105.600          | 61.800         | 46        | 132.000          | 98        | Bổ sung trong T7/2014                   |

\* Ghi chú: Kế hoạch 2014 chưa bao gồm vốn TPCP phải hoàn trả số vốn đã ứng trước là 882 tỷ đồng.